

Bản án số: 06/2022/DS-PT

Ngày : 23/02/2022

*“V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Bùi Đức Thanh**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Hồng Ánh**

bà **Nguyễn Thúy Hằng**

- Thư ký phiên tòa: ông **Lê Xuân Duy** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: bà **Nguyễn Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 về *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST, ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 98/2021/QĐ-PT ngày 15/12/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 115/2021/QĐPT-DS ngày 31/12/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐPT-DS ngày 24/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: cụ Chu Thị V; sinh năm: 1932; địa chỉ: thôn 10, xã H, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

+ **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** ông Nguyễn Minh C; sinh năm 1962; địa chỉ: khu 9, thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; theo Giấy ủy quyền ngày 22/02/2022; có mặt;

2. Bị đơn: bà Liêu Thị Q; sinh năm: 1963; địa chỉ: Thôn 10, xã H, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1962; địa chỉ: khu 9, thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Ông Nguyễn Văn D; sinh năm 1953; địa chỉ: thôn 14, xã H, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Anh Nguyễn Thanh M; sinh năm 1982 và anh Nguyễn Đức H; sinh năm 1984; cùng địa chỉ: thôn 10, xã H, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; đều vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; địa chỉ: khu 5, thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1956; có mặt; chị Hoàng Thị D, sinh năm 1984, chị Hoàng Thị H, sinh năm 1985 và anh Hoàng Văn H, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: thôn 14, xã H, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh và chị Hoàng Thanh H, sinh năm 1982; địa chỉ: khu 1, thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; đều vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn 10, xã H, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Chị Hà Thị Bích N, sinh năm 1993, địa chỉ: phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; anh Hà Duy K, sinh năm 1998, địa chỉ: tổ 8, khu A, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; đều vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: Nguyễn Văn L), sinh năm 1970; địa chỉ: thôn 10, xã H, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; địa chỉ: khu 7, thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

+ Đại diện theo ủy quyền của 14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (như trên) là ông Nguyễn Minh C; sinh năm: 1962; địa chỉ: khu 9, thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; theo Giấy ủy quyền ngày 22/02/2022; Có mặt;

- Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn; người đại diện theo pháp luật: ông Trương Mạnh H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn; người đại diện theo ủy quyền: bà Hà Thị T - Chuyên viên văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện Vân Đồn, theo giấy ủy quyền ngày 18/01/2022; vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã H, huyện Vân Đồn; người đại diện theo pháp luật: ông Châu Quốc T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H; người đại diện theo ủy quyền: ông Dương Văn N - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện Vân Đồn, theo giấy ủy quyền ngày 08/9/2021. Vắng mặt.

4. Người làm chứng: ông Lưu Tú H, ông Hà Văn Q, ông Dương Văn Ng, bà Hà Thị T, ông Hà Đức B, ông Lê Văn L, ông Hà Văn L, ông Lương Ngọc Q, bà Tô Thị K, bà Liêu Thị Y và bà Hà Thị T.

Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã H, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Đều vắng mặt.

Người kháng cáo: nguyên đơn cụ Chu Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Thanh M, anh Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị L, ông Hoàng Văn L, chị Hoàng Thị D, chị Hoàng Thị H, anh Hoàng Văn H, chị Hoàng Thanh H, ông Nguyễn Đức T, anh Hà Duy Kh, chị Hà Thị Bích Ng, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L là ông Nguyễn Minh Ch và ông Nguyễn Minh Ch cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, trình bày:

Năm 1978, cụ Nguyễn Văn Th, cụ Chu Thị V khai hoang diện tích đất 233,2m² tại thôn 10, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tăng gia sản xuất trồng hoa màu hàng năm, mảnh đất trên liền kề với đất ruộng của ông Hà Văn Đ, sau này

ông Đ bán lại cho bà Liêu Thị Q, tại thôn 10, xã Hạ Long. Bà Quý đã tự ý xây tường rào lấn chiếm 233,2m² đất của cụ Th, cụ V và trồng cây lên diện tích đất lấn chiếm, khi cụ Thắng, cụ Vy đòi bà Quý nói là xã đã cấp cho bà Quý. Ngay từ khi bà Quý lấn chiếm thì cụ Thắng đã liên tục nhiều lần lên Ủy ban nhân dân xã Hạ Long yêu cầu giải quyết, đến ngày 20/02/2012, xã cử cán bộ xuống làm việc nhưng không có kết quả, tiếp theo đến các ngày 24/12/2014, 28/6/2016 và ngày 22/6/2019, Ủy ban nhân dân xã đã mời hai bên đến hòa giải, lập biên bản và đo đạc diện tích đất tranh chấp mà bà Quý lấn chiếm là 249m², nhưng không có văn bản xác minh làm rõ nguồn gốc đất đai mà chỉ căn cứ vào sổ đỏ của bà Quý. Tháng 11 năm 2020, cụ Chu Thị V khởi kiện tại Tòa án, ngày 27/4/2021, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định diện tích đất tranh chấp theo mốc giới chỉ dẫn của nguyên đơn, thì diện tích bà Liêu Thị Q lấn chiếm là 233,2m².

Năm 2004, Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Liêu Thị Q trong đó có 126,8m² đất bà Quý lấn chiếm của cụ Thắng, cụ Vy, khi làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa có ký giáp ranh diện tích đất giáp đất nông nghiệp của cụ V, cụ Th nên cụ V không biết, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình cụ.

Đến nay cụ Chu Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Liêu Thị Q trả lại diện tích đất lấn chiếm của vợ chồng cụ V là 233,2m² (trong đó có 126,8m² đất bà Quý đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 106,4m² đất bà Q chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Liêu Thị Q trình bày: Toàn bộ diện tích đất gia đình bà Q đang quản lý sử dụng theo số liệu mà Tòa án hợp đồng đơn vị đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ là 539,1m², trong đó diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 350m². Nguồn gốc diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 350m² là do bà Quý được (chị gái, anh rể là bà Liêu Thị Y, ông Hà Văn Đ) và bà Hà Thị T cho 305,9m² vào tháng 5 năm 1992, còn lại 126,8m² (diện tích đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Vy đang có tranh chấp) là do từ năm 1997 bà Quý bao chiếm khai hoang đất không có ai sử dụng mà có cùng với diện tích đất 106,4m² đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cụ Vy đang có tranh chấp. Xung quanh diện tích đất 539,1m² mà bà Q đang sử dụng có ranh giới tường bao rõ ràng, hàng năm có đóng thuế đầy đủ cho nhà nước.

Ngày 09/8/2004, bà Q được Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D479138, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2085, diện tích 350m², đất ở tại thôn 10, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Diện tích đất còn lại 106,4m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do khi Ủy ban huyện làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Quý chưa kê khai hết, nhưng bà Quý đã sử dụng diện tích này ổn định từ năm 1997 cho đến nay, năm 2012 thì gia đình cụ Vy mới có tranh chấp đòi diện tích đất 233,2m² của bà Quý.

Hiện trạng thửa đất gia đình bà Q quản lý sử dụng được thể hiện trong trích lục bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt năm 2012, là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 70 diện tích là 524,5m².

Quyền sử dụng đất của bà Q còn được thể hiện là các Biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các năm 2004, 2005, 2006, 2007, 2013, 2014, 2015; Tờ khai nộp tiền sử dụng đất ngày 19/7/2004, tờ khai lệ phí trước bạ ngày 19/7/2004, đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất; Trích lục sơ đồ thửa đất, biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất, giấy báo nộp tiền sử dụng đất, giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004; Diện tích thửa đất số 01 là $524,5\text{m}^2$, tờ bản đồ địa chính số 70 mang tên Liêu Thị Quý tại Bản đồ địa chính xã Hạ long, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh phê duyệt năm 2012.

Đến nay cụ Chu Thị Vy yêu cầu Tòa án buộc tôi trả lại quyền sử dụng đất $233,2\text{m}^2$ (trong đó có $126,8\text{m}^2$ đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và $106,4\text{m}^2$ đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) là không có căn cứ, cản trở quyền sử dụng đất của gia đình bà Quý trong nhiều năm qua, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Quý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Hạ Long, huyện Vân Đồn và Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn đều trình bày và có quan điểm như sau:

Tại sổ địa chính, bản đồ địa chính xác lập quyền sở hữu đối với phần diện tích đất đang có tranh chấp giữa cụ Chu Thị V với bà Liêu Thị Q tại thôn 10, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn được đo vẽ năm 2011 và được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt năm 2012 thể hiện: Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 70, diện tích $524,5\text{m}^2$ mang tên chủ sử dụng Liêu Thị Q (trong đó có diện tích đất được Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 350m^2). Nguồn gốc diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 350m^2 là do bà Q được (chị gái, anh rể là bà Liêu Thị Y, ông Hà Văn Đ) và bà Hà Thị T cho $305,9\text{m}^2$ vào tháng 5 năm 1992, còn lại $126,8\text{m}^2$ (diện tích đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ V đang có tranh chấp) là do từ năm 1997 bà Quý bao chiếm khai hoang đất không có ai sử dụng mà có.

Đến năm 2012, khi Bản đồ địa chính của xã Hạ Long được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh phê duyệt thì thể hiện chủ sử dụng phần diện tích đất $233,2\text{m}^2$ đang có tranh chấp là bà Liêu Thị Q.

Từ năm 1978 đến năm 2012 cụ Chu Thị V chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và nộp tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất tranh chấp $233,2\text{m}^2$. Gia đình cụ Chu Thị V không sử dụng ổn định liên tục thửa đất này.

Căn cứ Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai:

“ Điều 21: Căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định:

1. Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc đến thời điểm quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận).

2. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được xác định căn cứ vào thời gian và nội dung có liên quan đến mục đích sử dụng đất ghi trên một trong các giấy tờ sau đây:

- a) Biên lai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất;
- b) Biên bản hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc sử dụng đất, biên bản hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc xây dựng công trình gắn liền với đất;
- c) Quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực thi hành, quyết định thi hành bản án của cơ quan Thi hành án đã được thi hành về tài sản gắn liền với đất;
- d) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực thi hành; biên bản hòa giải tranh chấp đất đai có chữ ký của các bên và xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất;
- đ) Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan đến việc sử dụng đất;
- e) Giấy tờ về đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú dài hạn tại nhà ở gắn với đất ở; Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy khai sinh, giấy tờ nộp tiền điện, nước và các khoản nộp khác có ghi địa chỉ nhà ở tại thửa đất đăng ký;
- g) Giấy tờ về việc giao, phân, cấp nhà hoặc đất của cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao quản lý, sử dụng đất;
- h) Giấy tờ về mua bán nhà, tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về mua bán đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên liên quan;
- i) Bản đồ, sổ mục kê, tài liệu điều tra, đo đạc về đất đai qua các thời kỳ;
- k) Bản kê khai đăng ký nhà, đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã tại thời điểm kê khai đăng ký.

3. Trường hợp thời điểm sử dụng đất thể hiện trên các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2 Điều này có sự không thống nhất thì thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được xác định theo giấy tờ có ghi ngày tháng năm sử dụng đất sớm nhất.

4. Trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất.”.

Diện tích đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Liêu Thị Q 106,4m² không xác lập quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất của ai vẫn do Ủy ban nhân dân xã quản lý thì bà Q có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì bà Q quản lý liên tục, ổn định từ năm 2004 cho đến nay (theo phiếu lấy ý kiến khu dân cư lập ngày 19/7/2021).

Cụ Chu Thị V cho rằng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Liêu Thị Quý khi làm hồ sơ chưa có ký giáp ranh làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình cụ: căn cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của bà Liêu Thị Q thể hiện các cạnh giáp ranh như sau: phía đông giáp đường; phía bắc giáp đất ông Thành; phía tây và phía nam giáp đất nông nghiệp. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận đối

chiều bản đồ giải thửa đất nông nghiệp số 3, Hợp tác xã Vĩnh Tiến, vị trí tiếp giáp phía tây, phía nam có rãnh thoát nước rộng và bờ ruộng. Do đó, việc Ủy ban nhân dân xã Hạ Long thiết lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Liêu Thị Q mà không phải ký giáp ranh tại thửa số 289 (2 vụ lúa) mang tên cụ Thắng là đúng quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy.

Cụ Nguyễn Văn Th (chồng cụ Chu Thị V), được giao các thửa đất nông nghiệp 355, 328, 420, 393, 388, 289, 210, 86, 325, 352, 326, tờ bản đồ giải thửa số 03, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 327 ngày 30/6/1997; Vị trí thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2085 ngày 09/8/2004, mang tên bà Liêu Thị Quý, tương ứng số thửa 265, 266, tờ bản đồ giải thửa số 03; Như vậy, vị trí các thửa đất nông nghiệp đã được giao cho gia đình cụ Nguyễn Văn Thắng, cụ Chu Thị V không có liên hệ hoặc chồng lẫn với vị trí thửa đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Liêu Thị Q.

Như vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D479138, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2085, diện tích 350m², đất ở tại thôn 10, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh được Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn cấp Ngày 09/8/2004 cho bà Liêu Thị Q là đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất và cấp đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy cụ Chu Thị V không có cơ sở để tranh chấp 126,8m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Liêu Thị Q.

Theo phiếu lấy ý kiến dân cư lập ngày 19/7/2021, thể hiện cụ Chu Thị V, cụ Nguyễn Văn Th khai phá phân diện tích đất đang có tranh chấp để canh tác từ năm 1981 nhưng từ năm 2004 cho đến nay cụ V, cụ Th không canh tác, không trực tiếp quản lý và sử dụng mà người trực tiếp quản lý sử dụng là bà Liêu Thị Q. Như vậy bà Liêu Thị Q có đủ điều kiện để xác định việc sử dụng đất ổn định và được xác lập quyền sử dụng diện tích đất 106,4m² nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Những người làm chứng: Ông Hà Đức B, ông Hà Văn L, bà Hà Thị T, ông Dương Văn Ng, ông Lê Văn L, ông Hà Văn Q, ông Lưu Tú H đều trú tại thôn 10, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn là những người đã từng cư trú cùng thời điểm cụ V, cụ Th sử dụng diện tích đất đang tranh chấp đều có lời khai cơ bản là phù hợp với nhau: diện tích đất cụ V đang có tranh chấp với bà Q, trước đây là chuồng trâu, là đất của người Hoa bỏ về nước để lại. Năm 1981, cụ V và chồng là cụ Nguyễn Văn Th có khai phá bao chiếm diện tích đất này trồng cây hoa màu ngắn ngày, sau đó khoảng từ năm 1998 - 2000, gia đình cụ V không sử dụng diện tích đất này nữa, để cỏ mọc và thấy bà Q sử dụng diện tích đất này, không thấy gia đình nhà cụ V đến tranh chấp, thời gian đó đất đai không có giá trị, các hộ dân sống tại thôn còn thưa thớt nếu có tranh chấp mâu thuẫn thì cả thôn, xóm đều biết cũng do gia đình cụ V không sử dụng canh tác để cỏ mọc, nên diện tích đất này liền kề nhà bà Q và bà Q đã làm cỏ, rào bao quanh sử dụng. Đến năm 2012, hộ gia đình cụ V có tranh chấp với bà Q diện tích đất này, Ủy ban nhân dân xã đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả.

Bà Liêu Thị Y (chồng là ông Hà Văn Đ), bà Tô Thị K, bà Hà Thị T là những người đã từng cư trú cùng thời điểm cụ Vy, cụ Thắng sử dụng diện tích đất đang tranh chấp và là những người có đất cho bà Liêu Thị Quý sử dụng đều có lời khai: nguồn gốc diện tích đất 539,1m² mà bà Liêu Thị Q đang quản lý sử dụng là do bà Liêu Thị Y, ông Hà Văn Đ (chị gái, anh rể bà Qu) cho một phần và bà Hà Thị Tích cho một phần vào tháng 5 năm 1992, phần còn lại do bà Q bao chiếm khai phá đất hoang mà có. Năm 1981, cụ Nguyễn Văn T, cụ Chu Thị V có làm vườn trồng trọt cây hoa màu trên diện tích đất về phía nam liền kề với đất ruộng của bà Liêu Thị Y, ông Hà Văn Đ, diện tích đất cụ Th, cụ V sử dụng trước đây là chuồng trâu của người Hoa bỏ về nước để lại, người dân trong xóm tháo dỡ chuồng trâu về làm củi đốt và thấy cụ Th, cụ V bao chiếm, cuộc xới sử dụng diện tích đất này trồng khoai, sắn, diện tích đất này phía đuôi thót hình tam giác, tuy các ông, bà năm 1992 đã cho đất cho bà Quý làm nhà nhưng nhà đều ở gần nhau thường xuyên đi qua lại diện tích đất này thì từ năm 1995 - năm 1996 không thấy cụ Th, V sử dụng diện tích đất này nữa để cỏ mọc hoang. Đến năm 1997, thấy bà Q sử dụng diện tích đất đó cũng không thấy cụ Thắng, cụ V hay các con của cụ đến tranh chấp đòi. Đến năm 2012, thì mới thấy cụ T, cụ V có tranh chấp đòi đất của bà Q. Thời gian năm 1978, hiện trạng thửa đất ruộng nhà bà Y, ông Đ liền kề đất ruộng cụ V, cụ T về phía Tây là bờ đất cao dài và rộng, ngăn cách đất ruộng trồng lúa 2 vụ với đất khô trồng hoa màu 1 vụ trên cao hơn, thoải thoải thấp xuống hơn 1m thì có mương nước của người Hoa đào từ trước chảy từ trên xuống chảy qua phía tây diện tích đất nhà bà Y, ông Đ cụ V, cụ Th, mương nước phục vụ thoát nước cho mùa mưa và tưới tiêu cho mùa khô. Qua bờ đất và mương nước thì đến đất ruộng trồng lúa 2 vụ phía bên dưới là đất ruộng nhà ông T, đất ruộng nhà cụ V, đất ruộng nhà ông V. Đất ruộng nhà ông T và ông V đến nay đã bán cho người khác họ đã đổ đất gần đây để trồng cây ăn quả, còn ruộng nhà cụ V vẫn còn và đang để cỏ mọc hoang. Từ năm 2008, 2009 thì những hộ có đất gần mương nước đã bao chiếm san lấp ngăn dòng chảy từ trên xuống, cho đến nay mương nước không còn như hiện trạng năm 2008 trở về trước. Diện tích đất của bà Q trước đây không có liền giáp ranh với đất ruộng của cụ Chu Thị V.

Với nội dung trên, tại bản án số 03/2021/DS-ST ngày 28/9/2021, của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn đã quyết định:

Căn cứ Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm c Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 157, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 101, Điểm b Khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Chu Thị V yêu cầu bà Liêu Thị Q trả lại quyền sử dụng đất 233,2 m² (trong đó có 128,6m² đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 106,4m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), tại thôn 10, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn cho cụ Chu Thị Vy;

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2021 nguyên đơn cụ Chu Thị V có đơn kháng cáo với nội dung: kháng cáo toàn bộ nội dung bản án số 03/2021/DS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Đề nghị giải quyết trả lại quyền sử dụng đất cho gia đình cụ V theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có quan điểm: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ đúng quy định, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của nguyên đơn cụ Chu Thị V làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Hạ Long, huyện Vân Đồn và Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn cụ Chu Thị V với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét nguồn gốc, thời điểm và quá trình sử dụng đất đối với diện tích đất đang tranh chấp 233,2m² đất tại thôn 10, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn:

Quá trình giải quyết vụ án, qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định: diện tích đất 233,2m² mà nguyên đơn cụ Chu Thị V khởi kiện yêu cầu bà Liêu Thị Q phải trả lại (trong đó có 126,8m² đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 106,4m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Nguyên đơn cụ Chu Thị V cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện thể hiện: biên bản làm việc ngày 29/02/2012 của Ủy ban nhân dân xã Hạ Long, về việc gia đình bà Q xây dựng tường rào bao tại thôn 10, xã Hạ Long; Biên bản giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn Th ngày 24/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã Hạ Long; Bản trích đo thửa đất; Biên bản hòa giải, giải quyết tranh chấp đất đai của gia đình ông Nguyễn Văn Th và bà Liêu Thị Q ngày 06/7/2016, ngày 28/6/2016, ngày 22/01/2019, và ngày 29/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã Hạ Long; Thông báo kết quả hòa giải ngày 30/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã Hạ Long; đây là các tài liệu mà Ủy ban nhân dân xã Hạ Long, huyện Vân Đồn lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích giải quyết, hòa giải tranh chấp đất đai giữa cụ Chu Thị V với bà Liêu Thị Q, thể hiện thời điểm phát sinh tranh chấp từ năm 2012.

Đơn đề nghị ngày 21/10/2014 của cụ Nguyễn Văn Th có xác nhận của những người dân sống cùng thôn; Biên bản xác nhận vị trí, diện tích đất khai hoang của cụ Thắng, cụ Vy ngày 19/10/2020, có xác nhận của những người dân sống cùng thôn: đây là xác nhận của những cá nhân do cụ Vy tự xin xác nhận, đây không phải là giấy tờ về quyền sử dụng đất có từ trước ngày 15/10/1993 và các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 của Nghị Định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Theo phiếu lấy ý kiến dân cư lập ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân xã Hạ Long, thể hiện cụ Vy, cụ Thắng khai phá phần diện tích đất đang có tranh chấp để canh tác từ năm 1981 nhưng từ năm 2004 cho đến nay bà V không canh tác, không trực tiếp quản lý và sử dụng mà người trực tiếp quản lý sử dụng là bà Liêu Thị Q.

Lời khai của những người làm chứng ông Hà Đức B, ông Hà Văn L, bà Hà Thị T, ông Dương Văn Ng, ông Lê Văn L, ông Hà Văn Q, ông Lưu Tú H, bà Liêu Thị Y (chồng là ông Hà Văn Đ), bà Tô Thị K và bà Hà Thị T là những người đã từng cư trú cùng thời điểm cụ V, cụ Th sử dụng diện tích đất đang tranh chấp đều khai: diện tích đất cụ V đang có tranh chấp với bà Q, trước đây là chuồng trâu, là đất của người Hoa bỏ về nước để lại. Năm 1981, cụ V và chồng là cụ Nguyễn Văn T có khai phá bao chiếm diện tích đất này trồng cây hoa màu ngắn ngày, sau đó khoảng từ năm 1998 - 2000, gia đình cụ V không sử dụng diện tích đất này nữa, để cỏ mọc và thấy bà Q có diện tích đất sát liền kề sử dụng diện tích đất này, không thấy gia đình nhà cụ V đến tranh chấp, đến năm 2012 mới thấy hai gia đình có tranh chấp.

Ủy ban nhân dân xã Hạ Long có quan điểm: Đối với yêu cầu của cụ Chu Thị V buộc bà Liêu Thị Q trả lại quyền sử dụng diện tích 233,2m² đất cho cụ V mà bà Q đang quản lý sử dụng trong đó có diện tích đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 106,4m² không xác lập quyền sử dụng đất của ai, vẫn do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Cụ Chu Thị V và cụ Nguyễn Văn T khai phá phần diện tích đất này từ năm 1981, nhưng từ năm 2004 cho đến nay không canh tác, không trực tiếp quản lý và sử dụng mà người trực tiếp quản lý sử dụng là bà Liêu Thị Q. Từ năm 1978 đến năm 2012 bà Chu Thị V chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và nộp tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất tranh chấp 233,2m².

Đối với phần diện tích đất tăng thêm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định theo Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013, quy định:

Điều 21. Căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định

1. Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc đến thời điểm quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận).

Nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là một trong các loại giấy tờ để xác định thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/ NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 4 luật đất đai 1987 quy định: “.....*Người sử dụng đất phải nộp thuế sử dụng đất theo quy định của pháp luật.*”; Điều 4 Luật đất đai 1993 quy định: “*Người sử dụng đất có trách nhiệm phải làm đầy đủ thủ tục địa chính, nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.*”

Căn cứ quy định luật đất đai nêu trên, cụ V cho rằng vợ chồng cụ đã sử dụng diện tích đất đang tranh chấp từ năm 1981 cho đến năm 2012, nhưng không làm thủ tục địa chính, không kê khai đăng ký sử dụng đất, không nộp thuế sử dụng đất theo quy định của pháp luật và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì bổ sung, không có một trong các loại giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất liên quan đến diện tích đất cụ V cho là vợ, chồng cụ tôn tạo sử dụng từ năm 1981 đến năm 2012.

Như vậy, từ lời khai của những người làm chứng và phiếu lấy ý kiến dân cư ngày 19/7/2021 và quan điểm của Ủy ban nhân dân xã Hạ Long huyện Vân Đồn, nhận thấy hộ gia đình cụ Chu Thị V chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và nộp tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất tranh chấp 233,2m², không quản lý sử dụng liên tục diện tích đất tranh chấp, không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Còn bị đơn bà Liêu Thị Q thì cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất của mình, thể hiện: Biên lai thu thuế nhà, đất; Biên lai thu thuế sử dụng đất các năm 2004, 2005, 2006, 2007, 2013, 2014, 2015; Tờ khai nộp tiền sử dụng đất ngày 19/7/2004; Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 19/7/2004; Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất; Trích lục sơ đồ thửa đất; Biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất; Giấy báo nộp tiền sử dụng đất; Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước; Kết quả đo đạc địa chính thửa đất;

Ngày 09/8/2004, bà Liêu Thị Q được Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D479138, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2085, diện tích 350m², đất ở tại thôn 10, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Diện tích đất còn lại 106,4m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do khi làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Q chưa kê khai hết, bà Q đã sử dụng diện tích đất này ổn định từ năm 1997 cho đến nay.

Toàn bộ diện tích đất mà bà Q đang sử dụng 539,1m² (được Sở tài nguyên và Môi trường phê duyệt năm 2012: thửa đất số 01, tờ bản đồ địa chính số 70, địa chỉ tại thôn 10, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, diện tích 524,5m², tên chủ sử dụng Liêu Thị Q);

Nguồn gốc diện tích đất mà bà Q đang sử dụng 539,1m², được thể hiện tại Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lời khai của những người làm chứng: trong đó diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 350m² là do bà Quý được (chị gái, anh rể là bà Liêu Thị Y, ông Hà Văn Đ) và bà Hà Thị T cho 305,9m² vào tháng 5 năm 1992, còn lại 126,8m² (diện tích đất năm

trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ V đang có tranh chấp) là do từ năm 1997 bà Q bao chiếm khai hoang đất không có ai sử dụng mà có cùng với diện tích đất 106,4m² đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cụ V đang có tranh chấp.

Diện tích đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Liêu Thị Q 106,4m² mà cụ Vy đang có tranh chấp, chưa xác lập quyền sử dụng đất của ai vẫn do Ủy ban nhân dân xã quản lý, bà Q sử dụng ổn định, liên tục từ năm 2004 đến nay trồng cây ăn quả, trồng rau... vì vậy bà Q có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp như quan điểm của Ủy ban nhân dân xã Hạ Long, huyện Vân Đồn và phù hợp quy định tại Điều 101 Luật đất đai; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

[3.2] Cụ Chu Thị V tranh chấp diện tích đất 126,8m² mà bà Liêu Thị Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho rằng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Liêu Thị Q khi làm hồ sơ chưa có ký giáp ranh với đất ruộng của cụ V làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình cụ:

Bà Liêu Thị Y (chồng là ông Hà Văn Đ), bà Tô Thị K, bà Hà Thị T là những người có đất cho bà Liêu Thị Q sử dụng đều có lời khai: Thời gian năm 1978, hiện trạng thửa đất ruộng nhà bà Y, ông Đ liền kề đất ruộng cụ V, cụ T về phía Tây là bờ đất cao dài và rộng, ngăn cách đất ruộng trồng lúa 2 vụ với đất khô trồng hoa màu 1 vụ trên cao hơn, thoải thoải thấp xuống hơn 1m thì có mương nước của người Hoa đào từ trước chảy từ trên xuống chảy qua phía tây diện tích đất nhà bà Y, ông Đ, cụ V, cụ Th. Qua bờ đất và mương nước mới đến đất ruộng trồng lúa 2 vụ của hộ nhà ông Tào, hộ cụ V, hộ ông V. Đất ruộng nhà ông T và ông V đến nay đã bán cho người khác họ đã đổ đất gần đầy để trồng cây ăn quả, còn ruộng nhà cụ V vẫn còn và đang để cỏ mọc hoang. Từ năm 2008, 2009 thì những hộ có đất gần mương nước đã bao chiếm san lấp ngăn dòng chảy từ trên xuống, cho đến nay mương nước không còn như hiện trạng năm 2008 trở về trước. Diện tích đất của bà Q từ năm 2009 trở về trước không có liên giáp ranh với đất ruộng của cụ Chu Thị V.

Lời khai của những người làm chứng trên phù hợp với quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn, Ủy ban nhân dân xã Hạ Long huyện Vân Đồn và Bản đồ giải thửa đất nông nghiệp số 3 Hợp tác xã Vĩnh Tiến năm 1986: Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận đối chiếu bản đồ giải thửa đất nông nghiệp số 3, Hợp tác xã Vĩnh Tiến, vị trí tiếp giáp phía tây, phía nam có rãnh thoát nước và bờ ruộng. Do đó, việc Ủy ban nhân dân xã Hạ Long thiết lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Liêu Thị Q mà không phải ký giáp ranh tại thửa số 289 (2 vụ lúa) mang tên cụ Nguyễn Văn Th là đúng quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy.

Cụ Nguyễn Văn T (chồng cụ V), được giao các thửa đất nông nghiệp 355, 328, 420, 393, 388, 289, 210, 86, 325, 352, 326, từ bản đồ giải thửa số 03, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 327 ngày 30/6/1997. Vị trí thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2085 ngày 09/8/2002, mang tên bà Liêu Thị Q, tương ứng số thửa 265, 266, từ bản đồ giải thửa số 3. Như vậy, các thửa đất ruộng của cụ T, cụ V được giao không có sự chồng lấn với các thửa đất mà bà Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ nêu trên xác định, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D479138, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2085, do Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn cấp ngày 09/8/2004, diện tích 350m², cấp cho bà Liêu Thị Q tại thôn 10, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh là đúng quy định của pháp luật, vì vậy cụ Chu Thị Vy không có cơ sở để tranh chấp quyền sử dụng 126,8m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Liêu Thị Q.

Từ những phân tích và nhận định trên thì diện tích đất 233,2m² mà cụ Chu Thị V đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà Liêu Thị Q nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Chu Thị V.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn cụ Chu Thị V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: cụ Chu Thị V phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng), tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Cụ Chu Thị V đã nộp đủ.

[5] Về án phí: yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, nguyên đơn cụ Chu Thị V là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho cụ Chu Thị Vy.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn cụ Chu Thị V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm c Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 157, Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 101, Điểm b Khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Chu Thị V yêu cầu bà Liêu Thị Q trả lại quyền sử dụng đất 233,2 m² (trong đó có 126,8m² đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 106,4m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), tại thôn 10, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn cho cụ Chu Thị V (có sơ đồ kèm theo).

[2] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc cụ Chu Thị V phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng), tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Cụ Chu Thị V đã nộp đủ.

[3] Về án phí: Cụ Chu Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND huyện Vân Đồn;
- CCTHADS huyện Vân Đồn;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Thanh

